

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ Điều 12, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 08 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 33/2026/TLST - DS ngày 02/4/2026.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Quang T (tức Trần Văn T1), sinh năm 1943; địa chỉ: xóm C K (nay là thôn K), xã P, tỉnh Ninh Bình. Căn cước công dân số: 0370430001xx cấp ngày 25/4/2021.

- **Bị đơn:** Anh Trần Giang N, sinh năm 1964, địa chỉ: xóm C K (nay là thôn K), xã P, tỉnh Ninh Bình. Căn cước công dân số: 0370640005xx cấp ngày 28/8/2022.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: xóm C K (nay là thôn K), xã P, tỉnh Ninh Bình.

+ Chị Trần Thị S, sinh năm 1969; địa chỉ: xóm G K (nay là thôn K), xã P, tỉnh Ninh Bình.

+ Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: xóm E Â (nay là thôn Â), xã K, tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Trần Văn H1, sinh năm 1971; địa chỉ: Namur Stuttgart Cộng hòa liên bang Đ1.

+ Chị Trần Thị M, sinh năm 1960; địa chỉ: I G pala926/32 Cộng hòa S.

+ Chị Trần Thị L, sinh năm 1974; địa chỉ: I M Cộng hòa S.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H1, chị M, chị L: Chị Trần Thị S, sinh năm 1969; địa chỉ: xóm G, xã P, tỉnh Ninh Bình.

+ Bà Đào Thị K, sinh năm 1956; xóm C K (nay là thôn K), xã P, tỉnh Ninh Bình..

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hàng thừa kế:

Hàng thừa kế được hưởng di sản của bà Lưu Thị N1 gồm: Ông Trần Quang T (tức Trần Văn T1) và 07 người con là Trần Thị M, Trần Giang N, Trần Thị S, Trần Văn H1, Trần Thị L, Trần Thị H, Trần Thị Đ.

2.2 Tài sản thừa kế: Di sản thừa kế của bà Lưu Thị N1 là quyền sử dụng đất chung với ông Trần Quang T tại thửa đất số 393, tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình lập năm 1997 có diện tích là 1.086,6m². Nay được tách thành các thửa 356, 357, 358, 359, 360 tờ bản đồ số 57, xã P, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 09/12/1998 mang tên ông Trần Văn T1; địa chỉ: xóm C K (nay là thôn K), xã P, tỉnh Ninh Bình.

2.3 Về phương thức phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của bà Lưu Thị N1 cụ thể như sau:

- Giao cho ông Trần Quang T (tức Trần Văn T1) quyền sử dụng đất tại các thửa 357 có diện tích 117,3m² (trong đó: đất NTS 87,9m², đất CLN 29,4m²) có giá trị là 8.944.500^d; thửa đất số 356 có diện tích 484,1m² (trong đó: đất ONT 290,0m², CLN 194,1m²) có giá trị 2.513.410.000^d. Tổng diện tích các thửa là 601,4m² tại tờ bản đồ số 4 (nay là tờ số 57 xã P), bản đồ địa chính xã P. Tổng giá trị tài sản được giao là 2.522.354.500 đồng.

- Giao cho ông Trần Quang T và bà Đào Thị K quyền sở hữu tài sản trên thửa 357 tờ bản đồ số 4 (nay là tờ số 57 xã P), bản đồ địa chính xã P có giá trị là 144.900^d.

- Giao cho chị Trần Thị M; Trần Giang N; Trần Thị S; Trần Văn H1; Trần Thị L; Trần Thị H; Trần Thị Đ quyền sử dụng đất tại các thửa 358 có diện tích 233,8m² (trong đó: đất NTS 172,9m², đất CLN 60,9m²) có giá trị là 17.839.500^d; thửa đất số 359 có diện tích 116,5m² (trong đó: đất NTS 85,0m², đất CLN 31,5m²) có giá trị là 8.895.000^d; thửa đất số 360 có diện tích 108,3m² (trong đó: đất NTS 75,2m², đất CLN 33,1m²) có giá trị là 8.288.000^d. Tổng diện tích các thửa là 458,6m² tại tờ bản đồ số 4 (nay là tờ số 57 xã P), bản đồ địa chính xã P. Tổng giá trị tài sản được giao là 35.022.500 đồng.

- Giao cho chị Trần Thị S là người trực tiếp đứng tên chủ sử dụng các thửa 358, 359, 360 được chia. Việc phân chia cho từng người sẽ do các anh chị em tự thỏa thuận với nhau.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

- Các bên không phải thanh toán giá trị chênh lệch chia tài sản cho nhau.
- Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung các bên đã thỏa thuận phân chia.

3. Về chi phí tố tụng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Quang T (tức Trần Văn T1) và bà Đào Thị K là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí.

- Chị Trần Thị S phải nộp 876.000 đồng (đã làm tròn) án phí dân sự đối với giá trị tài sản mà chị S được hưởng và đứng tên cùng 06 đồng sở hữu theo quy định của pháp luật.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu và ra quyết định thi hành án theo yêu cầu, tự nguyện và thỏa thuận thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Phòng THADS khu vực 4 – Ninh Bình.
- Các đương sự;
- UBND xã Phát Diệm
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thế Anh

